

80 Piece
INDO-CHINOIS
671

BACH-CU-DI



琵琶行



TỶ-BÀ-HÀNH



80 Piece
Indoch.

671

IMPRIMERIE MAC-DINH-TU
LE-VAN-TAN SUCC^R
136, Rue du Coton — HANOI



Extrait du Bulletin de la Société d'Enseignement Mutuel du Tonkin,
Tome VIII, n° 4, octobre-décembre 1927.



琵琶行

TỶ-BÀ-HÀNH



TỠ-BÀ-HÀNH

Le poème chinois dont nous donnons ici le texte et une traduction française ⁽¹⁾, a pour auteur le célèbre Bạch-cư-Dị, de la dynastie des Đường, mort en 846 de l'ère chrétienne.

Comme on pourra s'en rendre compte par l'analyse de cette pièce, l'individualité du génie de l'auteur subsiste tout entière, sans qu'il soit besoin de diminuer, encore moins de nier ses attaches dans l'espace et dans le temps; mais c'est comme âme, comme personnalité libre, indépendante des choses, que les amateurs de poésie chinoise voudront sans doute la considérer. Ils constateront l'éveil de cette personnalité dans l'œuvre de Bạch-cư-Dị en particulier et dans la poésie des Đường en général, où pendant longtemps le sujet ne parvient pas à se dégager de l'objet; puis vient une heureuse période de transition dans laquelle les deux éléments se font équilibre: c'est celle qui correspond aux productions les plus parfaites de cette littérature privilégiée. Quand l'équilibre est rompu au profit du sujet pensant, le mot littéraire a constitué son indépendance et cet accroissement successif de l'élément subjectif est la marque de la littérature des Đường.

Sur la vie de Bạch-cư-Dị, nos lecteurs trouveront dans la notice qui suit, extraite des Vies ou Portraits des célèbres Chinois du P. Amiot (Mémoires concernant l'histoire, les sciences, les arts, les mœurs, les usages, etc., des Chinois, par les Missionnaires de Pékin), une notice d'aspect un peu composite, mais qui ne sera pas sans utilité, et n'est pas en elle-même dépourvue d'intérêt. Elle est à vrai dire plus biographique que littéraire; mais elle a cet avantage, comme le dit l'auteur lui-même, de lier l'histoire particulière de Bạch-cư-Dị à l'histoire générale de son temps et «de présenter aux yeux une sorte de perspective où chaque objet paraît à sa véritable place, et peut intéresser le lecteur à des événements fastidieux peut-être par la manière dont ils sont énoncés».

(1) Nous croyons intéressant de reproduire au-dessous du texte chinois une daptation en vers annamites.

TỶ-BÀ-HÀNH

Bài Tỳ-Bà-Hành chúng tôi đem in và dịch ra pháp-văn (1) sau đây, là của Bạch-cư-Dị tiên-sinh soạn ra. Tiên-sinh ở về đời nhà Đường, mất năm 846 dương-lịch.

Cứ xem bài này, — chẳng phải làm nhẹ bớt hoặc gạt hẳn cái mối liên-lạc của tiên-sinh đối với không-gian và thời-gian đi, — cũng đủ rõ rằng cái thiên-tài đặc sắc của tiên-sinh vẫn vẹn toàn cả. Nhưng thiết tưởng nhà hán-học có xét cái biệt-tài đó hẳn là chỉ muốn xét về đường lâm-trí, về đường cá-nhân, có cái vẻ tự-do, cô-lập, không khuất với ngoại-vật chứ chẳng không. Ai nấy một mặt coi riêng văn-tập của tiên-sinh, một mặt coi hết cả văn-thơ đời Đường, mới biết rằng trước kia các nhà văn-sĩ mãi chưa thoát-ly được ngoại-vật ra, bấy giờ mới khởi điểm biểu-lộ ra được. Thế rồi đến một thời-đại giao-thời rất hay. Trong thời đó khách-quan chủ-quan hai đảng tương-sinh, chính đang lúc trong văn-giới đặc-sắc đó, xuất-sản ra nhiều áng văn-chương tuyệt diệu. Dĩ chỉ đến khi chủ-quan hiển-nhiên ra, khi đó cái « bản ngã văn gia » mới được tự-chủ, mà chủ-quan dần dần được cô-lập như thế chính là cái đặc-sắc văn-chương về đời nhà Đường vậy.

Còn như muốn biết lý-lịch Bạch-cư-Dị tiên-sinh thế nào thì độc-giả cứ xem thiên tiểu-truyện sau đây, chúng tôi trích ở pho « lịch-sử chân-dung các người Trung-Hoa có tiếng » của cha Amiot soạn (Kỷ sự về lịch-sử khoa học, mỹ-thuật, phong-tục, văn-văn, của dân Trung-Quốc, các cha ở Bắc-Kinh soạn). Thiên tiểu-truyện này trông thì vụn-vặt, nhưng không phải là vô-ích, mà toàn-bản không phải là không hay đâu. Nói cho thực ra thì thiên tiểu-truyện này liệt về đảng văn-chương thì ít mà nói về truyện kỳ thì nhiều, nhưng được một điều — mà chính tác-giả cũng bảo thế — là cho ta biết biết-sử Bạch-cư-Dị tiên-sinh có liên-lạc với toàn sử cả một thời tiên-sinh ở ra làm sao mà tựa như cho ta coi một bức chân-họa, vật nào ở chỗ nào đúng chỗ ấy, có thể làm cho độc-giả thấy cái hành-trạng nào kể lại rất nhạt tịu-trung cũng cho là có ý-vị vậy.

(1) Dưới bài hán-văn có in bài dịch quốc-văn, thiết tưởng cũng không phải là vô vị.

Pê-kiu-Y

Pê (*Bach*) était le nom de la famille, il avait pour nom propre Kiu-Y (*Cư-Dị*), et pour surnom Lo-Tien (*Lạc-Thiên*). On dit de lui que le septième mois après sa naissance, il savait déjà ouvrir un livre, et que la mère lui désigna deux caractères, qu'elle lui apprit dès lors à connaître. Ses parents ne négligèrent point des dispositions si heureuses; Pê-kiu-Y profita si bien des leçons de ses maîtres, qu'après avoir passé successivement par tous les grades de la littérature, il reçut celui de docteur, au commencement de la dix-septième année de son âge.

Vers le milieu des années dénommées Yuen-ho (*Nguyễn-hòa*), c'est-à-dire, vers l'an de Jésus-Christ 812, l'Empereur Hien-tsoung (*Hiến-tôn*) le fit mandarin. Son application à l'étude lui fit négliger quelques-uns des devoirs de sa charge, et en punition de sa négligence, il fut abaissé de quelques degrés. Cette légère humiliation le corrigea pour quelque temps, et il ne donna à l'étude que ceux de ses moments qu'il ne devait pas à des occupations plus importantes. Il eut différents emplois, qu'il remplit à la satisfaction de ceux qui les lui avaient procurés, parce qu'il fut toujours d'une intégrité à toute épreuve, et que dans tout ce qu'il faisait, il avait l'honneur pour principe, et le bien public pour objet.

Cependant l'état de contrainte dans lequel il était obligé de vivre, était trop opposé à ses goûts, pour qu'il ne cherchât pas à s'en délivrer, il n'attendait pour cela que de se voir en état de pouvoir vivre commodément, sans le secours d'autrui. Il acheta une petite maison, et acquit peu à peu quelques fonds de terre près Hiang-chan (*Hương-sơn*); et quand il fut sur le retour de l'âge, il renonça aux charges et à tous les emplois pour aller dans cet asile jouir de lui-même et de sa liberté.

Il y fut à peine arrivé, qu'il mit tous ses soins à chercher ce qu'il est difficile de trouver, je veux dire des amis. Parmi le grand nombre de ceux qui s'offrirent à lui, il n'en choisit que quatre, auxquels il crut pouvoir se livrer. Le premier était un bonze, nommé Jou-Man (*Như-Mãn*), qui desservait un temple, situé sur le penchant de la montagne. Ce cénobite était d'une conversation agréable, et plus instruit que ne le sont pour l'ordinaire ceux de sa profession: il aimait la botanique, et le lieu de sa résidence le mettait dans l'occasion de cultiver son goût. En se liant avec lui d'une étroite

Bach-cur-Dị tiên-sinh

Tiên-sinh họ Bạch, tên Cur-Dị, tự Lạc-Thiên. Tục truyền rằng tiên-sinh mới bảy tháng đã biết mở sách, Bạch-mẫu bèn dạy cho tiên-sinh hai chữ học. Tiên-sinh có tư-chất thông-minh như thế, song-dường cho đi học. Tiên-sinh học rất sáng, thi-cử đều đậu, đến năm mới 17 tuổi đã đỗ tiến-sĩ.

Vào khoảng giữa năm Nguyên-Hòa tức là năm 812 sau Thiên-chúa giáng-sinh, vua Hiến-Tôn phong cho làm quan. Tiên-sinh ham học sao nhãng việc quan nên phải giáng xuống mấy trật. Tiên-sinh phải trách phạt như thế, định-tĩnh lại ít lâu: khi nào nhàn việc mới xem sách. Tiên-sinh được thụ phong nhiều chức, làm việc quan, quan trên đều đặc dụng vì tính tiên-sinh rất liêm mà làm việc gì cũng lấy danh-giá làm căn-cớ, thương dân làm mục-dịch.

Tiên-sinh không ưa phải khuất thân làm tôi triều-đình như vậy, vẫn muốn cáo hồi, nhưng còn phải đợi thời. Tiên-sinh tâu được một gian nhà nhỏ và một ít đất ở Hương-sơn, lúc về già bèn cáo lão về ở đó cho được tự-do phóng-thích.

Tiên-sinh mới được về đã đi ngao-du tìm bạn, chọn được bốn người có thể cho là tri-kỷ được. Một là vị hòa-thượng, pháp danh là Như-mãn, tu ở ngọn chùa trên sườn núi Hương-sơn. Vị này chuyện rất vui, mà là một tay cao-tăng học-thức; tính thích cỏ cây, tu ở ngọn chùa đó rất được mãn-nguyên. Bạch tiên-sinh làm thân với, thực được nhiều điều lợi, được tự-do vắng chùa như trong nhà mình vậy. Không những thế mà thôi, lại cùng vị Hòa-thượng ấy đi chu-du một ngọn núi có nhiều hoa thơm cỏ lạ mà người ta thường bảo có tiên ở.

Hai vị quan bất-đắc-ý là Nguyên-Chẩn và Lưu-mộng-Đắc, cáo quan về nhà ngâm vịnh cũng đến kết hữu với Bạch-cur-

amitié, Pê-kiu-Y se procura plusieurs avantages, il allait et venait dans le monastère avec autant de liberté que dans sa propre maison. Il pouvait, outre cela, parcourir avec son bonze, tous les coins et recoins d'une montagne, fameuse par ses productions naturelles et par les esprits, qui, selon la crédulité populaire, y faisaient leur séjour.

Ouei-Tchou (*Nguyễn-Chân*) et Lieou-mong-Tê (*Lưu-mộng Đắc*), l'un et l'autre du nombre de ces lettrés, qui n'ayant pu entrer dans les grandes charges dont ils se croyaient dignes, s'étaient retirés dans le sein de leurs familles, où ils cultivaient la poésie, briguèrent l'amitié de leur nouveau voisin. Pê-kiu-Y les admit avec plaisir, parce qu'il trouvait dans leur société le double avantage de parler littérature, et de mettre en usage le talent des vers qu'il possédait lui-même à un degré éminent. Un quatrième vint se présenter, il s'appelait Hoang-fou Ming-Tché (*Hoàng-phủ Lăng-Chi*), c'était un homme de plaisir, un buveur aimable, qui racontait avec grâce, qui portait la joie partout où il allait. Pê-kiu-Y crut heureux d'avoir fait l'acquisition d'un ami de ce caractère, il avait le plaisir de boire avec lui, et s'amusait de ses récits. Tels furent les quatre amis de ce solitaire d'un nouvel ordre, ils les visitait alternativement et recevait leurs visites. Il se bâtit une petite maison de plaisance, ou pour mieux dire un petit hermitage dans la montagne même de Hiang-chan. Là, tantôt avec les deux poètes et tantôt avec le buveur, sans se mettre en peine de la manière dont les autres hommes vivaient entre eux, sans souci, comme sans inquiétude, il s'amusait avec son buveur, et quelquefois à faire des vers; et quand le beau temps l'invitait à la promenade, ou qu'il sentait le besoin de faire de l'exercice, il allait trouver son bonze, et parcourait avec lui quelque recoin de la montagne qu'il n'avait point encore visité.

Il avait pris la précaution de changer de nom, pour empêcher que ses parents, ou ses anciens amis, ne vinsent troubler le repos dont il jouissait. Il se faisait appeler le docteur de l'agréable ivresse, Tsoui-yn-chong (*Túy-ngâm-sinh*), il préférait, disait-il, cette dénomination aux titres les plus pompeux, et ce n'était que par elle qu'il voulait qu'on le désignât. Sa manière de vivre et les pièces de vers qui couraient de temps en temps sous le nom singulier du Docteur de l'agréable ivresse, le rendirent bientôt fameux. Quelques lettrés de différentes provinces, eurent la curiosité de voir un homme qui s'annonçait d'une manière si bizarre. Ils se rendirent à Hiang-chan (*Hương-sơn*), et huit d'entr'eux, à peu près du même

Dị tiên-sinh. Bạch tiên-sinh cho vào hàng quý-khách cùng nhau đàm-đạo văn-chương xướng-họa liên ngâm, một vị nữa là Hoàng-phủ Lăng-Chi cũng đến họp với Bạch tiên-sinh. Vị này vui tính, thích rượu, giảo-hoạt, đi đâu cũng vui; Bạch-cư-Dị kết bạn với rất lấy làm hởi lòng, vì được cùng nhau uống rượu, được nghe những truyện lý-thú.

Bốn vị chi-lan là bốn vị đó. Bạch tiên-sinh cùng bốn vị ấy lần lượt cùng nhau lui tới. Tiên-sinh lại cất một nóc nhà nghỉ mát — gọi là ần-cư thì hơn — ở núi Hương-sơn. Ở đó hoặc cùng hai vị thi-sĩ, hoặc cùng vị tửu-trạng giao-kết với nhau chẳng có câu nệ thói thường gì, vô lo vô lự, lúc đối ẩm với viên tửu-trạng khi ngâm thơ, bao giờ mát giới nhân hứng hay cần phải cử-động thì lại đi với Hòa-thượng Như-Mãn ngao-du sơn-thủy, những nơi danh-lam thắng-cảnh.

Tiên-sinh lúc đó đã thay họ đổi tên cho bà con, bạn đồng-nghiep trước không biết đâu mà đến làm cho tiên-sinh bận-rộn phiền-phức được. Tiên-sinh tự gọi là Túy-ngâm-sinh. Tiên-sinh nói rằng: thích cái huy-hiệu ấy hơn các chức-tước hào-hoa khác, mà cũng chỉ muốn ai nấy lấy huy-hiệu ấy gọi tiên-sinh thôi. Cách-cục tiên-sinh sinh-hoạt, lại những bài thơ đối tên lạ lùng là Túy-ngâm-sinh thỉnh thoảng truyền tụng đi thành ra tiên-sinh nổi tiếng. Có mấy vị quan tỉnh muốn đến thăm một vị ần-sĩ tiếng ly-kỳ như thế bèn đến Hương-sơn. Trong bọn đó có tám vị cùng chạc tiên-sinh thấy tiên-sinh ăn ở như thế, cho là sướng nhất đời, cùng định theo gương tiên-sinh. Họ cũng đến Hương-sơn cất nhà ở gần nhà Bạch-cư-Dị rồi bắt chước tiên-sinh cũng lấy phong-hoa vũ-trụ, nhân-tản, làm thú hữu-tình. Thỉnh thoảng lại đến nhà nhau rượu chén ngâm thơ. Khi đã cùng nhau họp mặt đông đủ rồi, một vị đứng lên xướng xuất đầu-dề gì thì hôm ấy phải ngâm vịnh đầu-dề ấy, mà tuy phóng cho hết khoe thì vẫn nhưng đầu-dề bao giờ

âge que lui, charmés d'un genre de vie qu'il regardait comme le seul qui pût les rendre heureux, résolurent de l'embrasser : Ils vinrent fixer leur séjour à Hiang-chan et s'y firent des logements aux environs de celui de Pê-kiu-Y, où ils vécurent, à l'exemple du Docteur de l'agréable ivresse, dans l'indépendance et le repos. Ils s'assemblaient fréquemment, tantôt chez l'un tantôt chez l'autre, se mettaient à table, buvaient, mangeaient et faisaient des vers.

Quand ils étaient tous rendus au lieu de l'assemblée, l'un d'entr'eux proposait le sujet sur lequel devait rouler l'entretien de ce jour-là, et ce sujet était toujours décent, quoique susceptible de tous les agréments de la poésie. Chacun tenait à son tour le pinceau, pour écrire ce dont on était convenu unanimement. Quand à la fin du repas, c'est-à-dire à la fin de la journée, on trouvait qu'il manquait quelque chose à la pièce on y revenait un autre jour, jusqu'à ce qu'elle fut en état de paraître ; alors on la livrait à cet ami de table de Pê-kiu-y, dont j'ai parlé plus haut, et cet agréable débauché en faisait la lecture dans les différentes compagnies, sous le titre de pièce nouvelle des neuf vieillards de Hiang-chan, c'est le nom que prenaient ces neuf docteurs, par contraste aux neuf sages que les Sectaires assuraient s'être rendus immortels dans le même lieu.

... Les noms des neuf vieillards de Hiang-chan ainsi que leur genre de vie, ayant percé jusqu'à la Cour, l'Empereur voulut en voir le chef, c'était alors Ou-tsoung qui était sur le trône ; Pê-kiu-y fut mandé : il se rend à la Cour, voit l'Empereur, en est très bien reçu, mais il reçoit en même temps l'ordre cruel d'abandonner sa chère solitude de Hiang-chan. Pour lui adoucir en quelque sorte l'amertume de cet ordre, le prince lui donna les richesses qu'il méprisait, et l'éleva aux honneurs dont il faisait encore moins de cas.

Devenu tout d'un coup riche, et président second de l'un des grands tribunaux de l'empire, Pê-kiu-Y se conduisit en sage et avec toute la gravité d'un homme de loi, il renonça entièrement à la poésie, mais non pas tout à fait au vin ; car pour ne pas perdre le souvenir des agréables moments qu'il avait coulés dans la solitude, il fit élever dans le jardin le plus reculé de la grande maison dont l'Empereur lui avait fait présent, une montagne factice, en représentation de la montagne de Hiang-chan, ce jardin était comme un lieu sacré, dont l'entrée était interdite aux profanes, il n'y introduisait que les huit compagnons, lesquels ayant été appelés peu après son départ, avaient eu part comme lui aux bienfaits du prince,

cũng vậy, không khi nào lơ-lả cả. Cả bọn đều lần lượt cầm bút, tay đề. Tan cuộc rượu, nghĩa là hết ngày rồi xem thơ-ca còn thiếu gì hôm sau lại lục đến cho kỳ được. Đầu dãy rồi mới trao cho Bạch tiên-sinh, Bạch tiên-sinh mới đem ra đọc cho mọi người nghe, lấy mệnh-đề là Hương-sơn cửu-lão thi-văn đề đối với chín vị ẩn-sĩ họ bảo xưa kia ở đó đã nổi danh tiếng lắm.

Tiếng chín viên lão-thi-gia ở Hương-sơn ấy cùng cách nhân-tản hứng-thú của họ đồn mãi đến kinh; nhà vua, lúc đó là Vũ-Tôn hoàng-đế muốn tham-kiến viên chủ đoàn, bèn triệu Bạch-cư-Dị về. Bạch-tiên-sinh về triều, được trọng đãi nhưng phải bỏ rời Hương-sơn cư-ẩn ra, nhà vua tặng tiền cùng phong quan tước cho tiên-sinh để mua chuộc tiên-sinh, nhưng tiên-sinh cũng chẳng lấy gì làm hạnh-ngộ cả.

Tiên-sinh phút chốc nên giàu lại được phong làm phó-đô sát. Tiên-sinh cử-chỉ ra bậc hiền-triết, nghiêm-khắc ra một bậc pháp-luật lão-thành. Tiên-sinh không ngâm vịnh nữa, nhưng không chừa rượu vì tiên-sinh vẫn không quên những lúc lạc-thú trong thâm-sơn trước, tiên-sinh bèn bảo xây trong số vườn ở dinh Hoàng-đế cho, một trái núi non bộ như núi Hương-sơn. Khu vườn ấy chẳng khác gì một nơi linh-cấm người ngoài không vào được; tiên-sinh chỉ cho tám viên bạn thân tiên-sinh vào thôi. tám vị ấy vua cũng triệu về triều sau tiên-sinh mà cũng về ở kinh-sur vậy, cứ đến mồng một và ngày rằm, là những ngày đô-sát-viện nghỉ việc, thì tiên-sinh lại mật hội-yến với bạn như yến ẩm ở Hương-sơn. Tiên-sinh hôm nào cũng vậy cứ đứng giờ lại lên núi. Khi nào rồi việc thì lưu ở đó, mà công việc tiên-sinh làm rất là mẫn-cán. Trên cửa nhà tiên-sinh chỉ có một cái biển đề ba chữ: « Túy-ngâm-sinh » thôi. Người qua lại không được rõ trong gia-trạch tiên-sinh thế nào. Tiên-sinh mà ra ngoài thì trông như một vị long-dồ đã hết lộc rồi; tiên-sinh mà làm đến bốn-phận thì chẳng chút tà-tâm mà lòng như sắt đá, ai lay chẳng truyền ai rung chẳng

et faisaient leur séjour dans la capitale. Le premier et le quinze de chaque lune, jours auxquels tous les tribunaux vaquent il leur donnait secrètement un repas, dans le goût de ceux qu'ils prenaient ensemble, lorsqu'ils demeuraient à Hiang-chan. Il s'y rendait lui-même chaque jour à des heures réglées, et y passait tout le temps qu'il n'était pas obligé de donner à la charge dont il était revêtu, et dont il remplissait tous les devoirs avec la plus rigoureuse exactitude. Au-dessus de la porte qui fermait en dedans ce séjour solitaire, il avait mis cette simple inscription, Tsoui-yn-cheng, c'est-à-dire, au Docteur de l'agréable ivresse.

Rien ne transpirait au dehors de tout ce qui se passait dans son domestique, il se montrait en public avec la décence du plus grave des magistrats, il était d'une droiture et d'une inflexibilité à toute épreuve, quand il s'agissait du devoir. Comme il était sans ambition, et que ce n'était que par un ordre supérieur qu'il avait accepté la seconde place de la Magistrature dans le Tribunal des causes criminelles, il était aussi sans crainte et sans respect humain. La justice et les lois parlaient par sa bouche et lui dictaient tous ses arrêts. Quand on lui demandait quelque chose qui semblait ne pas s'accorder avec les principes de cette équité qui n'a acception de personne, il répondait aux sollicitateurs, de quelque qualité qu'ils fussent : Je suis comme l'arbre Tan-koueï (*Dan-qué*), droit, uni, mais inflexible : on peut me briser, mais non me faire plier.

Pè-kiu-Y ne vécut que cinq ans, depuis son arrivée dans la capitale, il mourut universellement regretté de tous ce qui l'avaient connu, la soixantième année de Hoei-tchang (*Hôi-xuong*), c'est-à-dire l'an de Jésus-Christ 846 ; il était dans la soixante quinzième année de son âge. L'Empereur Ou-Tsoug (*Vũ-tôn*), son bienfaiteur, mourut à peu près dans le même temps, il est à croire que ce prince qui l'avait comblé de biens et d'honneurs de son vivant, n'eût pas manqué d'honorer sa mémoire par quelque monument digne de sa magnificence, s'il lui avait survécu seulement de quelques années. Il avait fait tirer son portrait et ceux de ses huit compagnons, et les avait placés dans une salle de son Palais, qui n'avait d'autre dénomination que celle de salle des neuf vieillards de Hiang-chan. Mais ce que la mort l'empêcha de faire fut exécuté par son successeur, d'une manière plus conforme peut-être au sujet que celle qu'il aurait pu imaginer lui-même. Sien-tsoug (*Tuyén-tôn*), placé sur le trône, regarda comme un des articles essentiels au gouvernement celui qui tendait à encourager les talents : il aima surtout la

rời. Tiên-sinh không phải là người tham luyến lợi-danh, phải tuân sắc-mệnh mới ra làm phó-đô-sát viện, cho nên tiên-sinh chẳng sợ ai, vị nể ai cả. Tiên-sinh nói gì, phán xét gì tức là về công-lý luật-pháp cả. Ai xin gì mà tiên-sinh xem ra không được chánh--đáng công-bằng, quan-pháp vô-thân, dù quyền-cao chức-trọng đến đâu tiên-sinh cũng nói rằng: « Ta đây như cây đan-quế mọc một giống, không có mấu mắt đâu nhưng không uốn được, bẻ gãy ta thì được chứ bắt ta cong gấp lại không xong. »

Bạch-cư-Đị tiên-sinh về kinh-sur ở được năm năm thì mất, ai đã được biết tiên-sinh cũng đều tiếc cả. Năm đó là năm Hội-Xương thứ 60 vào năm 846 sau Thiên-chúa giáng-sinh tiên-sinh hưởng thọ 75 tuổi. Vua Vũ-Tôn là ân-nhân tiên-sinh cũng băng-hà về giao đó. Thiết-tướng nhà vua còn lại vài năm nữa, khi tiên-sinh còn sinh-thời phong quan ban tước cho tiên-sinh, lúc tiên-sinh mất rồi thế nào mà chẳng hạ chiếu sây lăng-tăm cho tiên-sinh cho đích đáng! Nhà vua chỉ bảo vẽ được tiểu-tượng tiên-sinh cùng tám viên ban cố-tri đem treo trong nội-cung mà thôi. Phòng đó chỉ gọi là Hương-sơn cửu-lão chi phòng. Nhưng nếu nhà vua băng-hà không làm được thì đã có thái-tử làm mà có nhẽ được như ý-nguyện bình-sinh nhà vua vậy. Vua Tuyên-Tôn lên ngôi cửu-ngũ rồi lấy cách tướng-lệ nhân-tài làm một chánh-trị đạo. Ngài thích thơ phú, đọc thơ Bạch tiên-sinh rất lấy làm hay. Ngài bèn xuống chiếu sai chép lấy những bài chắc là của Bạch tiên-sinh soạn ra, thành một cuốn ước đầy được nghìn trang. Ngài không cho ấn hành, cứ mỗi bài lại khắc vào một tấm đá riêng, rồi mang giồng xung quanh núi non bộ mà Bạch tiên-sinh sai sây trong vườn thươ trước bắt kiêu như núi Hương-sơn. Ngài lại sai đem những sơn thảo liệt-thánh tiên-triều tổn tiền tổn công mới mang được về Hoàng-thành lên giựng ở núi ấy; ngài lại ngự-đề một bài thơ khen nữa.

poésie, et avait lu avec admiration quelques pièces de Pê-kiu-Y ; il fit chercher avec soin toutes celles dont cet aimable poète était incontestablement l'auteur, on en trouva de quoi former un livre qui aurait contenu mille pages.

L'Empereur ne les fit point imprimer, il les fit graver avec soin sur autant de tables de pierre qu'il y avait de sujets différents ; et toutes ces pierres il les fit placer séparément aux différents endroits de cette montagne factice que Pê-kiu-Y avait élevée dans son jardin, à l'imitation de la véritable montagne de Hiaagchan ; il enrichit ce monument d'un genre tout nouveau, de quantité de ces productions naturelles qui ne se trouvent que dans les montagnes, et dont la curiosité de ses prédécesseurs avait fait, à grands frais, une ample collection dans son palais ; il accompagna le tout d'un magnifique éloge, qu'il ne dédaigna pas de composer lui-même et qu'il écrivit de sa propre main.

C'est ainsi qu'en ne voulant qu'honorer d'une manière singulière un homme singulier, il lui érigea le plus beau trophée qu'on eût encore vu jusqu'alors. La maison de Pê-kiu-Y devint une espèce de temple, dans lequel on se rendait de toutes les provinces de l'empire, pour payer au brillant génie qui l'avait animé, le tribut d'admiration dont il était digne, et pour prendre en même temps, dans la lecture de ses agréables écrits, des leçons pratiques du goût le plus épuré. En fait de chansons fines, de petits contes et de poésies légères, on n'avait rien, disaient les connaisseurs, qui pût être mis en parallèle avec les productions du Docteur de l'agréable ivresse, surtout quant à la variété et à la délicatesse des sujets. La nation entière confirma bientôt ce jugement, par l'empressement qu'elle eut à s'en procurer des copies. On achetait la permission de les transcrire sur les lieux, une once d'or, et l'on donnait une once d'argent pour les avoir de la féconde main. Les étrangers qui venaient alors faire leur commerce à la Chine, n'étaient pas moins empressés que les nationaux à en faire l'acquisition ; ils les échangeaient avec une satisfaction peu commune, contre les plus précieuses de leurs marchandises. On assure en particulier que ceux d'un royaume, qui portait en ce temps là le nom de Ki-lin-koua au-delà des frontières méridionales de Yun-nan, après s'être chargés des plus belles étoffes de soie, et des meilleurs thés du royaume du Milieu croyaient cependant s'en retourner presque à vide quand ils n'emportaient pas avec eux, dans leur patrie quelques lambeaux des ouvrages de Pê-kiu-Y.

Ấy cũng vì ngài muốn tôn tụng người dị-kỳ một cách ly-kỳ nên mới xuống chiếu sai sây dựng cho tiên-sinh một cái đài tráng-lệ trước kia chưa từng có ấy, tư-thất Bạch tiên-sinh thành ra một cái đền khắp trong nước ai cũng đến để tỏ lòng quý-trọng một vị thiên-tài, cũng là để đọc thơ phú của tiên-sinh học thực-hành lấy cái ý-vị hay vậy. Mà thực ra, về thi, ca, tản văn, của Tuý-ngâm-sinh, người sành văn cho là có nhiều lối mà lối nào cũng hay, không ai bì kịp. Xem cả toàn quốc tranh nhau mà chép văn-chương tiên-sinh đủ biết nhờ phẩm-bình ấy rất đúng. Chép tại nhà tiên-sinh ở trước phải giả một lạng vàng, muốn chép nhiều thêm một lạng bạc. Người ngoại-quốc sang Trung-quốc buôn bán cũng đua nhau sao lại thơ Bạch tiên-sinh họ bằng lòng giả bằng hàng hóa rất quý để được phép như thế. Họ truyền rằng: thời đó có một nước gọi là Ky-lân-quốc ở ngoài nam địa-giới tỉnh Vân-nam, dân họ sang Trung-quốc mua lụa rất đẹp, chè tàu rất ngon rồi mà chưa sao được văn-chương Bạch-cư-Dị đoạn nào cũng cho là về tay không vậy.

TỠ-BÀ-HÀNH

玉露凋傷楓樹林

Ngọc lộ điêu thương phong thụ lâm.

巫山巫峽氣蕭森

Vu-son, Vu-thiêm, khí tiêu sâm.

江間波浪兼天湧

Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng.

塞上風雲接地陰

Tái thượng phong vân tiếp địa âm.

叢菊兩開他日淚

Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ.

孤舟一繫故園心

Cô chu nhất hệ cố viên tâm.

寒家處處催刀尺

Hàn gia xứ xứ thôi đao thước.

白帝城邊急暮砧

Bạch-đế thành biên cấp mộ trâm.

Lác đác rừng phong hạt móc sa.

Ngàn lau hiu-hắt khí thu mờ.

Lung giời sóng gợn lòng sông thẳm.

Mặt đất mây đùn cửa ải xa.

Khóm cúc thêm tuôn dòng lệ cũ.

Con thuyền buộc chặt mối tình già.

Lạnh lùng dục kẻ tay đao thước.

Thành quạnh gần xa bóng ác tà.

TỶ-BÀ-HÀNH

Goutte à goutte, dans la forêt jaunissante, tombe
une fine rosée.

Une touffe de roseaux frissonne mélancoliquement
à la pâle clarté automnale.

Comme suspendus dans le vide, des flots plissent la
surface d'un large cours d'eau.

Des nuages, comme sortis de terre, s'amoncellent,
voilant la frontière lointaine.

La vue des bouquets de chrysanthèmes tire davan-
tage de mes yeux des larmes de regret pour
les choses d'antan.

Dans une barque est solidement attaché mon vieil
amour.

Le froid excite les gens de couteau et de matraque.

Mais les désertes citadelles, proches ou lointaines,
ne sont visitées que par les rayons du soleil
couchant.

琵琶行

Tỳ-Bà-Hành

潯陽江頭夜送客
Tầm-dương giang đầu dạ tống khách
楓葉荻花秋瑟瑟
Phong diệp dịch hoa thu sắt sắt
主人下馬客在船
Chủ nhân hạ mã khách tại thuyền
舉酒欲飲無管絃
Cử tửu dục ẩm vô quản huyền
醉不成歡慘將別
Túy bất thành hoan thảm tương biệt
別時茫茫江浸月
Biệt thời mang-mang giang tầm nguyệt
忽聞水上琵琶聲
Hốt văn thủy-thượng tỳ bà thanh
主人忘歸客不發
Chủ nhân vong qui khách bất phát
尋聲暗問彈者誰
Tầm thanh ám vấn đàn giả thùy
琵琶聲停欲語遲
Tỳ-bà thanh đình dục ngữ trì

Bến Tầm-dương canh khuya đưa khách,
Quanh hơi thu, lau-lách điều-hiu.
Người xuống ngựa, khách dừng chèo :
Chén quỳnh mong cạn, nhớ chiều trúc tơ.
Say cũng luống ngại khi hầu rẽ,
Nước mênh-mông dậm vẽ gương trong.
Đàn ai nghe vắng bên sông,
Chủ khuây-khỏa lại, khách dùng-dằng xuôi.
Tìm tiếng, sẽ hỏi ai đàn tá,
Ngừng dây tơ, nấn-ná làm thỉnh.

TỶ-BÀ-HÀNH

Au port de Tām-dương, par une nuit avancée, je conduisis mes amis.

Au souffle de l'automne, jones et roseaux frissonnaient mélancoliquement.

Je descendis de cheval et mes amis cessèrent de ramer.

Nous voulions vider nos tasses d'alcool, mais aucun son de musique ne nous y invitait.

Nous n'avions pas encore joui des plaisirs de l'ivresse que déjà nous éprouvions la tristesse de la séparation.

Autour de nous, l'immense nappe d'eau était imbibée de la clarté lunaire.

Soudain nous perçûmes le son de quelque instrument de musique du côté de la berge.

J'oubliai de rentrer, mes amis différèrent de partir,

Et, cherchant d'où venait ce son, doucement nous demandâmes celui qui le faisait entendre.

Mais la lyre se tut, personne ne nous répondit.



移 船 相 近 邀 相 見
Di thuyền tương cận yêu tương kiến
添 酒 携 燈 重 開 宴
Thiêm tửu huề đăng trùng khai yến
千 呼 萬 喚 始 出 來
Thiên hô vạn hoàn thủy xuất lai
猶 抱 琵琶 半 遮 面
Do bảo tỳ-bà bán già diện
轉 軸 撥 絃 三 兩 聲
Chuyển trục bát huyền tam lưỡng thanh
未 成 曲 調 先 有 情
Vị thành khúc điệu tiên hữu tình
絃 絃 掩 抑 聲 聲 思
Huyền huyền yếm ức thanh thanh tứ
似 訴 生 平 不 得 志
Tự tố sinh bình bất đắc chí
低 眉 信 手 續 續 彈
Đê my thân thủ tục tục đàn
說 盡 心 中 無 限 事
Thuyết tận tâm trung vô hạn sự
輕 攏 慢 撚 撥 復 挑
Khinh lung mạn nhiên bát phục khiêu
初 爲 霓 裳 後 六 么
Sơ vi Nghê-thường hậu Lục-yêu

Dời thuyền, ghé lại thăm tình,
Giọng đèn chước chén còn dinh tiệc vui.
Mời mọc mãi, thấy người bỏ ngõ,
Còn ôm đàn che nửa mặt hoa.
Vận đàn, vài tiếng dạo qua,
Dầu chưa nên khúc, tình đã thoảng hay.
Nghe nảo-nuột mấy dây bắt-dắt,
Nhường nắn-nì, tấm tức bấy lâu.
Chau mày, tay gầy khúc sầu,
Giải bày hết nỗi trước sau muôn vản.
Ngón buông, bắt, khoan khoan diu-dặt,
Trước Nghê-thường, sau thoát Lục-yêu,

Déramant notre esquif, nous approchâmes pour voir l'artiste mystérieux.

Nous allumâmes nos lampes, nous remplîmes nos tasses d'alcool et nous organisâmes un second banquet.

Après maintes invitations, la personne demandée se montra enfin :

Elle portait encore sa *tỳ-bà* ⁽¹⁾ avec laquelle elle se cachait la moitié du visage.

Tournant les chevilles de son instrument et préludant, elle en tira quelques sons.

La gamme, pour ne former aucun morceau, ne nous ravissait pas moins.

A entendre ces notes qui vibraient, douloureuses,

On devinait chez la musicienne une cruelle déception.

Elle fronça les sourcils et joua une pièce mélancolique,

Dévoilant tout ce qu'elle avait sur le cœur.

Sous ses doigts qui, doucement, se promenaient sur les touches,

Et qui attaquaient successivement le *Nghê-thường*, puis le *Lục-yêu*,

(1) *Tỳ-bà*, guitare plate, en forme de poire, généralement accordée en quarte, seconde et quarte.

大 絃 嘈 嘈 如 急 雨
Đại huyền tào tào như cấp vũ
小 絃 切 切 如 私 語
Tiểu huyền thiết thiết như tư ngữ
嘈 嘈 切 切 錯 雜 彈
Tào tào thiết thiết thác tạp đàn
大 珠 小 珠 落 玉 盤
Đại châu tiểu châu lạc ngọc bàn
間 關 鶯 語 花 底 滑
Gian quan oanh ngữ hoa đề hoạt
幽 咽 流 泉 水 下 灘
U yết lưu loan thủy hạ than
水 泉 冷 澀 絃 凝 絕
Thủy toản lãnh sáp huyền ngưng tuyệt
凝 絕 不 通 聲 漸 歇
Ngưng tuyệt bất thông thanh tiệm yết
別 有 幽 愁 暗 恨 生
Biệt hữu u sầu ám hận sinh
此 時 無 聲 勝 有 聲
Thử thời vô thanh thắng hữu thanh
銀 瓶 乍 破 水 漿 迸
Ngân bình sạ phá thủy tương tinh
鐵 騎 突 出 刀 槍 鳴
Thiết kỵ đột xuất đao thương minh

Dây to, nhường đồ mưa rào.
Nỉ-non dây nhỏ như trò-chuyện riêng.
Tiếng cao thấp, lẫn chen liền gầy.
Mầm ngọc đầu, bỗng nảy hạt châu.
Trong hoa, oanh riu-rít nhau.
Suối tuôn réo-rất chảy thâu xuống ghềnh.
Nước lạnh lẽo, dây mảnh ngừng tắt.
Ngừng tắt, nên phứt bật tiếng tơ.
Ôm sầu mang giận ngàn-ngờ.
Tiếng tơ lạnh-ngắt bấy giờ càng hay.
Bình bạc vỡ, tuôn đầy giọt nước,
Ngựa sắt giông, thét ngược tiếng đao.

La grosse corde faisait entendre un bruit d'averse,

Et la petite résonnait doucement comme pour nous
souffler de secrètes confidences.

Les notes élevées alternaient harmonieusement avec
les basses :

On eût dit des perles tombant sur un plateau de
jade,

Ou des chants de loriots dans les fleurs,

Ou le murmure d'une source au fond d'une vallée.

De même que la source gelée se tait, la guitare
subitement cessa de résonner.

Comme elle se taisait, on n'en percevait plus l'écho.

On avait l'impression d'une vive douleur soufferte
en silence ;

Et le silence qui tombait alors était bien plus
éloquent encore.

Comme un vase d'argent brisé qui laisse jaillir l'eau
qu'il contient,

Ou un cavalier qui brusquement galope, en faisant
entendre le cliquetis de son cimeterre,

曲終抽撥當心畫
Khúc chung chừu bát đương tâm hoạch
四絃一聲如裂帛
Tứ huyền nhất thanh như liệt bạch
東船西舫悄無言
Đông thuyền tây phường tiều vô ngôn
唯見江心秋月白
Duy kiến giang tâm thu nguyệt bạch
沈吟收撥插絃中
Trầm ngâm thu bát sáp huyền trung
整頓衣裳起歛容
Chỉnh đốn y thường khởi liễm dung
自言本是京城女
Tự ngôn bản thị Kinh-thành nữ
家在蝦蟆陵下住
Gia tại Hà-mô lăng hạ chú
十三學得琵琶成
Thập tam học đắc tỷ-bà thành
名屬教坊第一部
Danh thuộc giáo phường đệ nhất bộ
曲罷常教善才服
Khúc bãi thường giao Thiện-tài phục
妝成每被秋娘妬
Trang thành mỗi bị Thu-nương dố

Cung đàn trọn khúc thanh-tao,
Tiếng buong sé lựa lựa vào bốn dây.
Thuyền mấy lá đông tây im phắc,
Một vầng giăng trong vắt lòng sông.
Ngậm-ngùi đàn đã sắp xong,
Áo xiêm sửa dáng dậy mong giả nhời.
Rằng: « Xưa vốn là người kẻ chợ,
Gò Hà-mô thú ở lân-la,
Học đàn từ thuở mười ba,
Giáo-phường đệ nhất, sỗ đà liệt tên.
Ả Thiện-Tài sợ phen dựng khúc,
Gái Thu-nương ghen lúc điểm-tô.

L'air joué était imprégné de sentiments élevés;

Et les quatre cordes de la guitare donnaient
l'impression d'un bruit fait par une pièce de
soie qu'on déchire.

Du levant au couchant, une parfaite tranquillité
planait sur les jonques.

Le lit du fleuve reflétait la blanche clarté de la lune.

Lorsqu'elle eut fini de jouer,

La musicienne se leva, mit de l'ordre à ses vêtements
et nous répondit en ces termes:

« Originaire de la capitale,

« J'avais ma demeure sur la colline Hà-mô.

« Dès l'âge de treize ans, j'ai appris à jouer de la *tỳ-bà*,

« Et j'ai mon nom inscrit le premier sur la liste
du conservatoire.

« La dame Thiên-Tài a peur de moi quand je pince
ma guitare.

« Et Thu-nương m'envie quand je me pare.

五陵年少爭纏頭
Ngũ-lăng niên thiếu tranh缠 đầu
一曲紅綃不知數
Nhất khúc hồng tiêu bất tri số
釵頭銀篦擊節碎
Điền đầu ngân tỷ kích tiết toái
血色羅裙翻酒污
Huyết sắc la quần phiên tửu ố
今年歡笑復明年
Kim niên hoan tiếu phục minh niên
秋月春風等閒度
Thu nguyệt xuân phong đẳng nhàn độ
弟走從軍阿姊死
Đệ tẩu tông quân ất di tử
暮去朝來顏色故
Mộ khứ chiêu lai nhan sắc cố
門前冷落鞍馬稀
Môn tiền lãnh lạc yên mã hy
老大嫁作商人婦
Lão đại giá tác thương nhân phụ
商人重利輕別離
Thương nhân trọng lợi khinh biệt ly
前月浮梁買茶去
Tiền nguyệt phù lương mãi trà khứ

Ngũ-lăng tuổi trẻ tranh đua,
Biết bao the đỏ chước mua ngón đàn !
Vành lược bạc, chia tan dịp khờ,
Bức quần hồng, hoen ố rượu rơi.
Năm năm lần-lữa vui cười.
Mãi giảng gió, chẳng đoái hoài xuân thu.
Buồn em chạy lại lo đi thác,
Lần hôm mai, đôi khác hình dung.
Cửa thưa, dấu ngựa vắng không,
Thân già mới kết bạn cùng khách thương.
Khách trọng lợi, khinh đường xa-cách,
Mãi bán chè, sớm tẻch dăm khơi.

« Durant ma jeunesse, j'exerçais mon art à Ngū-lāng.

« Que de pièces de soie rouge on m'a offertes pour me faire jouer !

« Que de fois, comme pour battre la mesure, mon peigne d'argent s'est brisé en tombant !

« Mon pantalon rouge a été taché par l'alcool qui s'y était épandu !

« Mes années successivement se passèrent ainsi en rires et en divertissements.

« Je ne me souciais guère ni de la lune d'automne ni du zéphyr printanier,

« Mais bientôt, je fus affligée du départ de mon frère aux armées et de la mort de ma tante ;

« Avec la fuite des jours, ma beauté s'en est allée.

« Devant ma porte déserte, on ne trouvait plus aucune trace de cheval.

« Devenue vieille, j'ai épousé un commerçant,

« Qui, avec son amour du gain, est indifférent à notre séparation :

« Il est parti, pressé de vendre son thé,

去來江口守空船
Khứ lai giang khẩu thủ không thuyền
繞船明月江水寒
Nhiều thuyền minh nguyệt giang thủy hàn
夜深忽憶少年事
Đạ thâm hốt ức thiếu niên sự
夢啼妝淚紅闌干
Mộng đề trang lệ hồng lan can
我聞琵琶已歎息
Ngã văn tỳ-bà dĩ thán tức
又聞此語重唧唧
Hựu văn thử ngữ trùng tức tức
同是天涯淪落人
Đồng thị thiên nhai luân lạc nhân
相逢何必曾相識
Tương phùng hà tất từng tương thức
我從去年辭帝京
Ngã tòng khứ niên từ đế kinh
謫居臥病潯陽城
Chích cư ngoạ bệnh Tầm-dương thành
潯陽地僻無音樂
Tầm-dương địa tịch vô âm nhạc
終歲不聞絲竹聲
Chung tuế bất văn tỳ trúc thanh

Thuyền không đỗ bến mặc ai,
Quanh thuyền giăng sáng nước soi lạnh lùng.
Canh khuya, chợt nhớ vòng tuổi trẻ,
Lệ hồng tran, hoen vẽ phấn son.»
Nghe đàn, ta đã chạnh buồn,
Lại rầu nghe nổi nỉ-non mấy nhời.
Cùng một lứa, bên giới vắng vắng,
Gặp-gỡ nhau lọ sẵn quen nhau!
Từ xa Kinh-khuyết bấy lâu,
Tầm-dương đất chích, gói sầu hôm mai.
Chốn cùng-tịch, biết ai vui với,
Tai chẳng nghe đàn thổi cả năm.

« Me laissant ici, dans cette barque solitaire,

« Que seule la lune visite, au milieu de cette froide
étendue d'eau.

« A cette heure avancée de la nuit, soudain, je me
suis souvenue de ma jeunesse.

« Et j'ai taché de mes larmes toutes rouges le fard
dont je m'étais parée. »

Moi qui fus déjà remué par sa musique,

Je me sentis plus affligé encore à ces confidences.

Elle et moi, nous fûmes tous deux exilés sous le
même ciel,

Point n'était besoin que nous nous fussions connus
l'un de l'autre.

Depuis mon départ de la capitale,

Dans ce port étranger de Tãm-dương, je trainais
ma mélancolie.

Sur cette terre déserte, avec qui me lier ?

D'un bout de l'année à l'autre, aucun son de mu-
sique n'était parvenu à mes oreilles.

住 在 湓 城 地 低 濕
Chú tại Bồn-thành địa dề thấp
黃 蘆 苦 竹 繞 宅 生
Hoàng lư khổ trúc nhiễu trạch sinh
其 間 旦 暮 聞 何 物
Kỳ gian đản mộ văn hà vật
杜 鵑 啼 血 猿 哀 鳴
Đồ quyên đề huyết viên ai minh
春 江 花 朝 秋 月 夜
Xuân giang hoa chiêu thu nguyệt dạ
往 取 酒 還 獨 傾
Vãng vãng thủ tửu hoàn độc khuynh
豈 無 山 歌 與 村 笛
Khởi vô sơn ca dĩ thôn địch
嘔 咽 啞 嘶 難 爲 聽
Âu á chu chiết nan vi thính
今 夜 聞 君 琵琶 語
Kim dạ văn quân tỳ-bà ngữ
如 聽 仙 樂 耳 暫 明
Như thính tiên nhạc nhĩ tạm minh
莫 辭 更 坐 彈 一 曲
Mạc từ cảnh tọa đàn nhất khúc
爲 君 翻 作 琵琶 行
Vị quân phiên tác tỳ-bà-hành

Sông Bồn, gần chốn cát lằm,
Lau già, trúc cối, âm thầm quanh hiên.
Tiếng chi đó, nghe liền sớm tối,
Quyên kêu than, vượn hót véo-von.
Hoà xuân nở, nguyệt thu tròn,
Lần lần tay chước chén son ngập-ngừng.
Há chẳng có sáo rừng hát núi,
Giọng liu-lo nhiều nỗi khó nghe.
Tỳ-bà nghe dạo đêm khuya,
Nhạc tiên đâu đã sớm kê bên tai.
« Hãy ngồi lại, đàn chơi khúc nữa,
Sẽ vì nàng soạn-sửa nhời ca. »

Sur le bord du fleuve Bôn, plat et humide,

Seuls les roseaux jaunissants et les bambous rabougris poussaient autour de ma demeure.

Du matin au soir, je n'entendais que les cris de je ne sais quels êtres,

Et les lamentations des poules d'eau et les hurlements des gibbons.

Devant les fleurs printanières qui passaient et la lune d'automne qui déclinait,

Seul, je me versais à boire,

N'ayant pour concert que les chansons des sauvages et la flûte rustique,

Discordantes et fort difficiles à entendre.

Aussi cette nuit là, le son de la guitare de notre musicienne

Me parut-elle comme une musique féerique.

« Restez encore un moment, dis-je à la pauvre femme, et régalez-nous d'un nouveau morceau.

« En votre honneur, je composerai une chanson sur l'air que vous aurez joué. »

感 我 此 言 良 久 立
Cảm ngã thử ngôn lương cửu lập
却 坐 促 絃 絃 轉 急
Khước tọa xúc huyền huyền chuyển cấp
淒 淒 不 似 向 前 聲
Thê thê bất tự hướng tiền thanh
滿 坐 聞 之 皆 掩 泣
Mãn tọa văn chi giai yểm khắp
坐 中 泣 下 誰 最 多
Tọa trung khắp hạ thùy tối đa
江 洲 司 馬 青 衫 濕
Giang-châu Tư-mã thanh Xam thấp

Đứng lâu nhường cảm ý ta,
Dồn ngồi, giở ngón đàn đã kịp dây.
Bực rầu-rĩ khác tay đàn trước,
Trong tiệc nghe tuôn nước lệ rơi.
Lệ ai chan-chứa hơn người,
Giang-châu Tư-mã đượm mùi áo xanh.

Peut-être m'eut-elle compris, car elle m'obéit

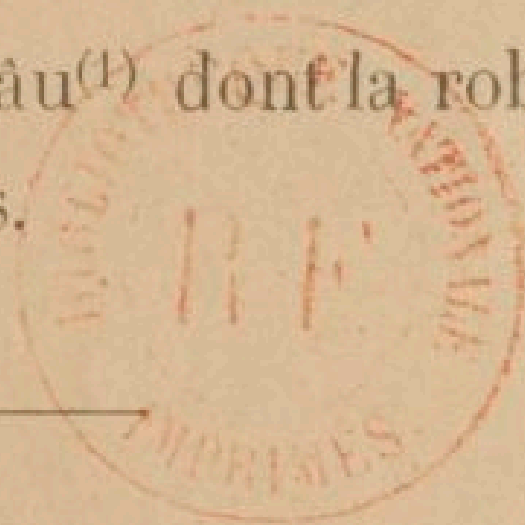
Elle se rassit, et après avoir accordé sa guitare,

Elle nous joua des airs bien plus mélancoliques
encore que les précédents.

Tous, nous versions des pleurs,

Mais celui d'entre nous qui pleurait le plus,

C'était le Tur-mã de Giang-châu⁽¹⁾ dont la robe bleue
était mouillée de larmes.



(1) Titre de Bach-cur-Di

THE
JOURNAL
OF
JAMES
MILNE
1841-1842
PUBLISHED
BY
JAMES
MILNE
1842

ANTHOLOGIE FRANCO-INDOCHINOISE

I

PIERRE LOTI, HENRI MOUHOT, FRANCIS GARNIER,
LOUIS DE CARNÉ, JULES BOISSIÈRE.

II

ALBERT DE POUVOURVILLE, PAUL BONNETAIN,
PAUL BOURDE.

III

P. - J. L. DE la BISSACHÈRE, MICHEL DUC-CHAIGNEAU,
DUTREUIL DE RHINS, PAUL NÉIS.

IV

ALEXANDRE DE RHODES, CÉSAR DE BAZANCOURT,
CHARLES LEMIRE, L. DE GRAMMONT, LÉOPOLD PALLU.

Prix : 0\$25

En vente chez LÊ-VĂN-TÂN

136, Rue du Coton — HANOI

Cirage: Trois cents exemplaires
Hanoi, le 25 Février 1920



man